

Số: 326 /QĐ-UBND

Phong Điền, ngày 14 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Phong Xuân,
huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 40/2019/QH14;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 73/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy định về phân công, phân cấp và ủy quyền công tác quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 3663/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2021 của UBND huyện Phong Điền về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng xã Phong Xuân, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030;

Căn cứ Công văn số 5060/SXD-QHKT ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Sở Xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế về việc tham gia ý kiến đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Phong Xuân, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030;

Theo Tờ trình số 09/TTr-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2023 của UBND xã Phong Xuân về việc thẩm định, phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Phong Xuân, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030;

Theo Văn bản số 15/KTHT-TĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Phong Điền báo cáo kết quả thẩm định đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Phong Xuân, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Phong Xuân, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030 với các nội dung chính được như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng xã Phong Xuân, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030.

2. Địa điểm: Xã Phong Xuân, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Phạm vi ranh giới: Phạm vi ranh giới lập quy hoạch chung xây dựng xã bao gồm toàn bộ ranh giới địa lý hành chính xã Phong Xuân. Ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp xã Phong Thu và xã Phong An.

- Phía Nam giáp huyện A Lưới.

- Phía Đông giáp xã Phong Sơn.

- Phía Tây giáp xã Phong Mỹ.

4. Quy mô:

a. Quy mô diện tích: Diện tích khu vực lập quy hoạch là 15.813,12ha.

b. Quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng: 6.489 người.

- Dự báo dân số đến năm 2030: 7.831 người.

5. Tính chất, chức năng của xã:

Phong Xuân là một xã nông thôn có nhiều tiềm năng về phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và các ngành công nghiệp, dịch vụ, thương mại.

6. Mục tiêu quy hoạch:

- Tổ chức rà soát, đánh giá tổng quát tình hình thực hiện Đồ án Quy hoạch nông thôn mới xã Phong Xuân đến năm 2020, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Xác định mối quan hệ của khu vực với các khu lân cận, hình thành hệ thống giao thông kết nối, hoàn chỉnh về cơ cấu chức năng, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

- Khớp nối với các đồ án quy hoạch trong khu vực; cập nhật các định hướng phát triển đô thị, các dự án đầu tư và kêu gọi đầu tư của trung ương, địa phương, nhà đầu tư...

- Cụ thể hóa các quy hoạch, dự án trên địa bàn xã Phong Xuân từ năm 2021 đến năm 2030 theo hướng xây dựng xã có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại, có cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, tạo việc làm, tăng thu nhập cho dân cư trong xã.

- Quy hoạch mạng lưới điểm dân cư nông thôn khang trang, hiện đại, bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống, tạo bộ mặt kiến trúc cảnh quan các điểm dân cư trên toàn địa bàn toàn xã.

- Định phương hướng phát triển không gian kiến trúc, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội... bảo vệ môi trường, cảnh quan, giá trị văn hóa lịch sử nhằm phát triển bền vững.

- Xây dựng phương án khai thác, sử dụng hiệu quả quỹ đất, đảm bảo sự phát triển bền vững.

- Làm cơ sở cho việc lập các dự án đầu tư xây dựng, quản lý và kiểm soát việc đầu tư xây dựng trong khu vực.

7. Tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan xã:

7.1. Định hướng phát triển không gian xã:

- Quy hoạch và phân bổ, kết nối mạng lưới dân cư của các thôn trên địa bàn xã phù hợp với phong tục, tập quán và lối sống của người dân.

- Hiện đại hóa bộ mặt nông thôn trong thời kỳ công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

- Quy hoạch xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật phù hợp với tiêu chuẩn, kết nối với các thôn với vùng sản xuất, với trung tâm và các vùng liên xã, đáp ứng yêu cầu sử dụng của người dân. Đối với vùng bão lũ chú trọng hệ thống hạ tầng đảm bảo vấn đề thoát lũ được nhanh nhất và không gây thiệt hại lớn.

- Quy hoạch hệ thống thủy lợi, giao thông nội đồng đáp ứng được yêu cầu của sản xuất và nâng cao năng suất.

- Quy hoạch phân vùng sản xuất, góp phần hợp lý hóa cây trồng - vật nuôi, tăng năng lực sáng tạo của nguồn nhân lực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội có tính bền vững.

7.2. Phân khu chức năng: Trên cơ sở tiềm năng phát triển của từng khu vực, quy hoạch xã Phong Xuân được chia thành các phân khu như sau:

- **Khu trung tâm hành chính, thương mại, văn hóa thể thao xã:** Khu trung tâm xã nằm dọc theo tỉnh lộ 11B, đoạn qua thôn Tân Lập, Bình An và Xuân Lộc và 1 phần thôn Hiền An II. Đây là vị trí khá thuận lợi và được hình thành từ lâu đời, tạo bộ mặt mỹ quan cho xã Phong Xuân trong quá trình thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội toàn diện. Xây dựng các thiết chế hành chính, văn hóa thể thao... đảm bảo là trung tâm của xã. Chính trang các khu ở hiện trạng và phát triển các khu ở mới...

- **Khu trung tâm du lịch:** Là khu vực Phát triển các dự án Dịch vụ du lịch nằm trong đồ án Quy hoạch KDL quốc gia Thanh Tân.

- **Khu trung tâm công nghiệp:** Là khu vực phát triển công nghiệp thuộc khu quy hoạch tiêu thủ công nghiệp Xuân Sơn Mỹ, khu vực nhà máy xi măng Đông Lâm.

- **Khu trung tâm nông nghiệp:** Là khu vực ruộng lúa, đất trồng màu, trồng cây hàng năm, tập trung phát triển nông nghiệp, đặc biệt là sản xuất lúa, trồng cây ăn quả có giá trị cao.

- **Trung tâm tiểu khu:** Là các nhóm ở thuộc các thôn.

7.3. Quy hoạch phát triển các điểm dân cư trên địa bàn xã:

7.3.1. Tổ chức mạng lưới điểm dân cư:

a. Đối với các khu dân cư hiện có: Tiến hành đầu tư xây dựng chỉnh trang:

- Cải tạo nhà ở làng xóm cũ, cần tôn trọng nét đặc trưng nhà ở truyền thống nhưng phải tạo dựng được không gian sống hiện đại, môi trường trong sạch theo tiêu chí mới. Quá trình tiến hành cải tạo, chỉnh trang điểm dân cư hiện hữu phải đánh giá thực trạng quy hoạch sử dụng đất của khu dân cư, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và khu dành cho các mục đích khác. Khu vực đã sử dụng ổn định, phù hợp với quy hoạch được giữ lại; khu vực đã ổn định cần chỉnh trang, cải tạo. Những khu đất không còn phù hợp phải chuyển đổi mục đích sử dụng.

- Mở rộng và cứng hoá các tuyến đường nội xóm, kèm theo là hệ thống thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt.

- Xây dựng hệ thống dẫn nước sinh hoạt tới các hộ gia đình.

- Xây dựng hệ thống thu gom và vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

- Xây dựng công trình thoát nước trong các xóm.

- Rà soát lại sự phân bố dân cư theo các quy hoạch đã và đang thực hiện.

Tuỳ theo tiềm năng và thế mạnh về phát triển kinh tế của địa phương để xác định rõ mô hình xã nông nghiệp kết hợp phát triển dịch vụ du lịch, thương mại, tiêu thủ công nghiệp.

- Cần chuyển đổi mục đích sử dụng những thửa đất canh tác nhỏ lẻ xen lẫn với đất thổ cư để có điều kiện hoàn thiện hệ thống hạ tầng xã hội và nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

b. Đối với các khu dân cư mới: Trong kỳ quy hoạch, tổ chức phát triển các khu dân cư mới:

- Thôn Xuân Lộc: Bổ sung đất ở xen ghép trong khu dân cư từ các quỹ đất lúa, đất trồng cây hàng năm, diện tích tăng thêm khoảng 2ha.

- Thôn Cỏ Xuân Quảng Lộc: Bổ sung đất ở xen ghép trong khu dân cư từ các quỹ đất lúa, đất trồng cây hàng năm, diện tích tăng thêm khoảng 1ha.

- Thôn Tân Lập: Bổ sung đất ở xen ghép trong khu dân cư từ các quỹ đất lúa, đất trồng cây hàng năm, diện tích tăng thêm khoảng 0,5ha,

- Thôn Hiền An II: Bổ sung đất ở xen ghép trong khu dân cư từ các quỹ đất lúa, đất trồng cây hàng năm, diện tích tăng thêm khoảng 8ha ở đồi Lòng Bong.

- Thôn Hiền An Bến Cui: Bổ sung đất ở xen ghép trong khu dân cư từ các quỹ đất lúa, đất trồng cây hàng năm, diện tích tăng thêm khoảng 1ha.

- Thôn Hòa Xuân: Bổ sung đất ở xen ghép trong khu dân cư từ các quỹ đất lúa, đất trồng cây hàng năm, diện tích tăng thêm khoảng 0,5ha.

- Thôn Vinh Ngạn: Bổ sung đất ở xen ghép trong khu dân cư từ các quỹ đất lúa, đất trồng cây hằng năm, diện tích tăng thêm khoảng 1,0ha.

- Thôn Vinh Phú: Bổ sung đất ở xen ghép trong khu dân cư từ các quỹ đất lúa, đất trồng cây hằng năm, diện tích tăng thêm khoảng 0,5ha.

- Thôn Quảng Lợi: Bổ sung đất ở xen ghép trong khu dân cư từ các quỹ đất lúa, đất trồng cây hằng năm, diện tích tăng thêm khoảng 1ha.

- Thôn Bình An: Bổ sung đất ở xen ghép trong khu dân cư từ các quỹ đất lúa, đất trồng cây hằng năm, diện tích tăng thêm khoảng 1,5ha.

7.3.2. Tổ chức các khu vực sản xuất, dịch vụ và các khu vực đặc thù khác:

a. Quy hoạch sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp: Rà soát, điều chỉnh và quản lý quy hoạch để thực hiện tái cơ cấu nền nông nghiệp, phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, khai thác tốt tiềm năng lợi thế về đất đai của mỗi vùng. Tăng cường ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất, nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm trong nông nghiệp:

- Quy hoạch vùng trồng trọt:

+ Hoàn thiện các quy hoạch vùng cây ăn quả giá trị cao với tổng diện tích 217ha.

+ Quy hoạch các vùng sản xuất hợp lý với đất trồng lúa diện tích 450 ha, đất trồng cây hàng năm khác diện tích 290,91ha, đất trồng cây lâu năm diện tích 587,87 ha.

+ Tiếp tục duy trì và phát triển các mô hình có hiệu quả kinh tế; đẩy mạnh công tác cải tạo vườn tạp để trồng cây ăn quả, xây dựng đề án trồng các loại rau màu khác.

- Quy hoạch chăn nuôi: Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo hướng đầu tư thâm canh, sản xuất hàng hóa và an toàn sinh học gắn với việc bảo vệ môi trường. Tận dụng địa hình gò đồi, rừng núi để phát triển chăn nuôi đại gia súc, đưa chăn nuôi trở thành ngành sản xuất chính trong nông nghiệp. Phát triển quy mô chăn nuôi phù hợp, đa dạng theo quy mô gia trại, trang trại; xây dựng Đề án tái đàn và phát triển đàn lợn theo hướng bền vững. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác thú y, phòng ngừa dịch bệnh gia súc, gia cầm.

- Quy hoạch nuôi trồng thủy sản: Tận dụng hồ, đập tự nhiên và quy hoạch diện tích lúa khó sản xuất, năng suất thấp chuyển đổi sang mô hình trồng sen kết hợp nuôi trồng thủy sản 22,7 ha. chú trọng, thường xuyên nâng cao công tác tuyên truyền, vận động nhiều hộ dân chưa mạnh dạng đầu tư nuôi cá lồng, chủ yếu nuôi cá bằng ao hồ...

- Quy hoạch lâm nghiệp: Đất lâm nghiệp của xã là diện tích 12.662,52 ha, chiếm 80,01% diện tích đất toàn xã. Trong đó đất rừng phòng hộ 3,245.99 ha, rừng phòng hộ 6.995,53 ha, rừng sản xuất 2.420 ha. Quy hoạch các vùng trồng rừng gỗ lớn theo hướng hàng hóa có chứng nhận xuất xứ để nâng cao giá trị lâm sản 500ha. Kien toàn các BQL rừng cộng đồng thực hiện quản lý bảo vệ tốt diện tích rừng được giao. Quy hoạch trồng cây thảo dược có giá trị cao dưới tán rừng khoảng 70ha.

b. Quy hoạch tiêu thủ công nghiệp và dịch vụ:

- Quy hoạch cụm công nghiệp Xuân Sơn Mỹ diện tích 76.68ha (theo quy hoạch chung toàn huyện).

- Quy hoạch đất sản xuất vật liệu xây dựng và khai thác khoáng sản: Giữ nguyên vị trí và mở rộng theo quy hoạch chung của huyện diện tích 195,33ha.

- Ưu tiên phát triển các loại ngành nghề khác phục vụ sản xuất và đời sống như may công nghiệp quy mô HTX, gia công các sản phẩm từ gỗ, gò, hàn, mộc, buôn bán nhỏ, khai thác mỏ thông, chế biến nông lâm sản.

- Về dịch vụ, thương mại: Cần phải quy hoạch phát triển các loại hình dịch vụ, thương mại phù hợp với tình hình địa phương do địa bàn rộng, trải đều nên tập trung phát triển thương mại ở khu vực trung tâm.

Đẩy mạnh phát triển thương mại, dịch vụ, nhất là các khâu dịch vụ trong nông nghiệp, phát triển dịch vụ ăn uống dọc tuyến đường Tỉnh lộ 11B, Tỉnh lộ 9, nâng cấp mở rộng khu dân cư kết hợp với phố chợ tại chợ Phong Xuân. Mở rộng các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, nhất là chế biến lâm sản và vật liệu xây dựng. Duy trì và mở rộng các ngành nghề phi nông nghiệp hiện có trên địa bàn như: Mộc, nề, gia công cơ khí, may mặc... giải quyết lao động việc làm và tăng thu nhập cho người dân.

8. Quy hoạch các công trình công cộng, dịch vụ cấp xã, thôn:

a. Trụ sở HĐND và UBND xã: Giữ nguyên tại vị trí hiện trạng của trụ sở hiện có.

b. Công trình an ninh, quốc phòng:

- Bổ sung trụ sở Công an xã vị trí tại khu đất Phòng khám đa khoa cũ tại thôn Xuân Lộc diện tích 0,135 ha từ đất y tế.

- Bổ sung trụ sở cơ quan Công an tỉnh về Đảm bảo ANTT và PCCC vị trí tại khu đất tại thôn Xuân Lộc diện tích 2,51ha từ đất rừng.

- Bổ sung đất khu hậu cứ của huyện Phong Điền 18,5ha tại khu vực Nà chợ rộng (TK59) từ đất rừng sản xuất.

c. Công trình giáo dục:

- Trường mầm non:

+ Trường Mầm non xã Phong Xuân. Giữ nguyên vị trí hiện trạng tại thôn Tân Lập. Diện tích khu đất quy hoạch: 6.500 m² (mở rộng thêm 3.000m²).

+ Trường Mầm non Phong Xuân 2 (Hiền An II): Giữ nguyên vị trí hiện trạng tại thôn Hiền An II. Diện tích: 2.500 m² (mở rộng thêm 1.500m²).

c. Trường tiểu học, phổ thông cơ sở, trung học phổ thông :

- Trường Tiểu học Phong Xuân: Giữ nguyên vị trí hiện trạng với diện tích: 13.000 m².

- Trường THCS Phong Xuân: Giữ nguyên vị trí hiện trạng với diện tích: 13.000 m².

d. Trạm y tế: Cải tạo nâng cấp trong khuôn viên hiện trạng với diện tích 1.200m².

e. Cơ sở vật chất văn hóa – thể thao:

- Thôn Xuân Lộc: Nhà văn hóa: giữ nguyên vị trí hiện trạng, diện tích 1.000m². Lấy thêm 500m² từ đất cơ sở mầm non thôn Điền Lộc.

- Thôn Tân Lập: Khu thể thao, nhà văn hóa: vị trí cạnh khu đất xây dựng chợ Phong Xuân, diện tích 4.500m².

- Thôn Quảng Lợi: Nhà văn hóa: giữ nguyên vị trí hiện trạng, diện tích 500m². Khu thể thao: đổi diện nhà văn hóa thôn 1.700 m².

- Thôn Xuân Điền Lộc: Khu thể thao, nhà văn hóa: tại vị trí cũ diện tích 253m², mở rộng đạt diện tích 3.400m² (lấy thêm 3.147m² từ đất giáo dục).

+ Thôn Vinh Phú: Khu thể thao, nhà văn hóa: tại vị trí cơ sở mầm Vinh Phú mở rộng thêm đất đạt 1.400m².

+ Thôn Vinh Ngạn: Nhà văn hóa: tại vị trí cơ sở cũ diện tích 400m². Khu thể thao, tại vị trí cũ diện tích 3.500m².

+ Thôn Bình An: Khu thể thao, nhà văn hóa: tại vị trí mới lấy từ đất bằng trồng cây hàng năm khác diện tích 2500m².

+ Thôn Hòa Xuân: Nhà văn hóa tại vị trí mới 300m². Khu thể thao tại vị trí nhà văn hóa cũ và lấy thêm diện tích của cơ sở mầm non Xuân Lập diện tích 2.500m².

+ Thôn Hiền An II: Khu thể thao, nhà văn hóa: tại vị trí cơ sở mầm non Hiền An II và nhà văn hóa thôn cũ diện tích 700m².

+ Thôn Hiền An – Bến Củi: Khu thể thao, nhà văn hóa: tại vị trí nhà văn hóa Hiền An III và khu Thể thao thôn ở đối diện (vị trí khu thể thao cũ) tổng diện tích 5.000m².

+ Thôn Cổ Xuân - Quảng Lộc: Khu thể thao, nhà văn hóa: tại vị trí nhà văn hóa và cơ sở mầm non Cổ Xuân cũ diện tích 1.500m².

g. Công trình thương mại, dịch vụ:

- Chợ trung tâm: Mở rộng chợ Phong Xuân tại vị trí hiện tại kết hợp với khu phố chợ. Diện tích quy hoạch: 1,8ha.

- Đất dịch vụ du lịch (theo Quy hoạch chung đô thị Phong Điền): Tại vị trí thôn Hòa Xuân và Bình An diện tích 660ha.

9. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình đầu mối trong phạm vi xã:

9.1. Quy hoạch hệ thống giao thông:

a. Hệ thống giao thông đối ngoại;

- Đường cao tốc Cam Lộ - Túy Loan: Lộ giới quy hoạch: 100m.

- Các tuyến đường tỉnh:

+ Tỉnh lộ 11B: Điểm đầu giáp xã Phong Sơn, điểm cuối giáp xã Phong Mỹ, chiều dài 6,98km. Lộ giới quy hoạch: 31m.

+ Tỉnh lộ 9: Điểm đầu giáp tỉnh lộ 11B tại nút giao cắt Cao tốc, điểm cuối giáp xã Phong Thu, chiều dài 4,1km. Lộ giới quy hoạch: 31m.

+ Tỉnh lộ 17B (Tuyến Đồng Lâm - Hiền An): Điểm đầu giáp thôn Đồng Lâm, điểm cuối tại thôn Hiền An giao TL11B, chiều dài 4,2km. Lộ giới quy hoạch: 31m.

- Đường huyện lộ: Tuyến Xuân Lộc - Phong An: Điểm đầu giáp thôn Đồng Lâm, điểm cuối tại thôn Xuân Lộc giao TL11B, chiều dài 4,0km. Lộ giới quy hoạch: 21,5m.

b. Giao thông đối nội:

- Các tuyến đường thôn có lộ giới quy hoạch 13,5m - 16,5m; bao gồm các tuyến đường sau:

- + Tuyến đường Cổ Xuân Quảng Lộ đi Quảng Lợi dài 4,0 km, lộ giới quy hoạch 9,0 m.
- + Tuyến đường Vinh Ngạn đi Vinh Phú dài 3,2 km, lộ giới quy hoạch 9,0m.
- + Tuyến đường Tỉnh lộ 11B đi Nhà Chợ Rộng dài 0,8 km, lộ giới quy hoạch 9,0m.
- + Tuyến đường Tỉnh lộ 11B đi Hòa Xuân dài 1,0 km, lộ giới quy hoạch 9,0m.
- Đường ngõ, xóm: Lộ giới quy hoạch là 6,0m.

9.2. Quy hoạch hệ thống thoát nước:

- Quy hoạch xây dựng một số hồ điều hòa, kênh đào, nạo vét mở rộng tăng cường dòng chảy các kênh mương hiện trạng.
- Có giải pháp chống sạt lở cản trở dòng chảy sông suối, các hướng thoát lũ chính của địa hình xã Phong Xuân. Trong quá trình xây dựng tuyệt đối không san lấp thu hẹp các cống thoát nước của các tuyến đường hiện trạng làm cản trở dòng chảy của hệ thống thoát nước hiện trạng.
- Mở rộng hướng thoát lũ hướng hạ lưu các cống thoát lũ của đường cao tốc Cam Lộ - La Sơn.

9.3. Quy hoạch hệ thống cấp nước:

- Nguồn cấp nước: Sử dụng nguồn cấp nước sinh hoạt của các nhà máy nước của tỉnh.
- Giải pháp mạng lưới:
 - + Nâng cấp tuyến đường ống HDPE D110 dọc đường tỉnh lộ hiện tại lên thành tuyến HDPE D160, chiều dài 7,5km.
 - + Làm mới tuyến đường ống HDPE D63-110 vào các điểm khu dân cư mới.
 - + Làm mới tuyến đường ống HDPE D110 vào các cụm công nghiệp.
- Cấp nước cứu hỏa:
 - + Tận dụng nguồn nước kênh chính đập Quao đoạn gần xã Phong Mỹ làm nguồn bổ sung.
 - + Trên trục trung tâm và các trục chính, bố trí các họng cứu hỏa đường kính 110 với khoảng cách giao thông trong khoảng 120m và đặt tại các giao lộ.

9.4. Quy hoạch hệ thống cấp điện:

- Nguồn cấp điện: Lấy từ mạng lưới đường dây trung thế 22KV hiện có trên địa bàn.
- Lưới điện: Lưới trung áp 22kV giữ nguyên hiện trạng, chỉ thay mới các tuyến dây đã qua hạn sử dụng.
- Xây dựng đường dây hạ thế 22/0,4kV và trung thế 22kV theo các trục giao thông quy hoạch đến các khu dân cư mới.
- Xây dựng tuyến điện đường chiếu sáng ở khu trung tâm xã và các tuyến rẽ. Tập trung khu vực công trình công cộng, công viên cây xanh...

9.5. Thoát nước thải, vệ sinh môi trường:

a. Thoát nước thải:

- Hệ thống thoát nước sinh hoạt dự kiến là hệ thống thoát nước chung có xử lý nước thải tại nguồn phát sinh.

- Hệ thống thoát nước của cụm TTCN phải có hệ thống thoát nước riêng và phải xử lý đạt tiêu chuẩn QCVN24-2009 (nguồn loại B).

b. Giải pháp vệ sinh môi trường:

- Khu vực mật độ dân cư thấp chọn giải pháp tự xử lý tại gia đình thông qua các hình thức như tổ hợp vườn, ao, chuồng; thùng rác, hầm chứa rác, hố chứa rác tự phân huỷ; hố ủ phân trát bùn tại các hộ gia đình để xử lý chất thải rắn từ sinh hoạt, trồng trọt, chăn nuôi; quy hoạch các điểm thu gom, trạm trung chuyển rác thải, chất thải rắn.

- Mỗi thôn bố trí các điểm thu gom chất rác thải sau đó vận chuyển đến khu xử lý tập trung của huyện.

- Tăng cường trồng cây xanh cách ly để bảo vệ môi trường.

9.6. Nghĩa trang, nghĩa địa:

- Đóng cửa di dời các nghĩa địa nhỏ lẻ nằm gần các khu dân cư và trong vùng đất canh tác.

- Cải tạo các khu vực nghĩa trang lớn để chôn xen ghép cho đến khi xây dựng nghĩa trang chung của huyện.

10. Quy hoạch sử dụng đất:

STT	Chỉ tiêu	Hiện trạng sử dụng đất 2021		Quy hoạch đến năm 2030	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	Tổng diện tích đất tự nhiên	15,813.13	100.00	15,813.13	100.00
1	Đất nông nghiệp	14,827.21	96.41	14,046.11	88.82
1.1	Đất trồng lúa	509.32	3.2	450.00	2.84
1.2	Đất trồng trọt khác	851.89	5.40	851.89	5.38
1.3	Đất rừng sản xuất	3201.78	20.2	2420.00	15.30
1.4	Đất rừng phòng hộ	3245.99	20.5	3245.99	20.52
1.5	Đất rừng đặc dụng	6995.53	44.2	6995.53	44.23
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	22.70	0.1	22.70	0.1
1.7	Đất làm muối		0.00		0.00
1.8	Đất nông nghiệp khác	0.00	0.00	60.00	0.37
2	Đất xây dựng	554.53	3.3	1408.95	9.59
2.1	Đất ở	59.80	0.15	76.80	0.48
2.2	Đất Công cộng	21.46	0.02	31.46	0.19
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	0.50	0.01	9.24	0.06
2.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	5.19	0.01	5.19	0.03

2.5	Đất công nghiệp tiêu thủ công nghiệp và làng nghề	0.00	0.00	76.68	0.48
2.6	Đất Khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng	160.33	0.27	195.33	1.23
2.7	Đất xây dựng các chức năng khác	1.87	0.16	333.13	2.10
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật	0.00	0.98	244.33	1.54
2.8.1	Đất giao thông	197.44	0.91	274.12	1.73
2.8.2	Đất xử lý chất thải rắn		0.00		0.00
2.8.3	Đất nghĩa trang nghĩa địa	33.40	0.07	34.40	0.22
2.8.4	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	0.00	0.00	0.00	0.00
2.9	Đất phục vụ sản xuất nông nghiệp	53.66	0.42	56.66	0.35
2.10	Đất quốc phòng, an ninh	20.88	0.04	33.50	0.21
2.11	Đất dự trữ phát triển	0.00	0.00	58.11	0.36
3	Đất khác	431.39	1.53	358.07	2.26
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối và mặt nước chuyên dùng	125.07	1.09	125.07	0.79
3.2	Đất chưa sử dụng	306.32	0.44	233.00	1.47
		15,813.13			

11. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn vốn:

11.1. Danh mục ưu tiên đầu tư:

- Đường giao thông liên xã, trục thôn, ngõ xóm, nội đồng.
- Hệ thống kênh mương, trạm bơm, hạ tầng khu TTCN.
- Các dự án hạ tầng phục vụ các khu du lịch sinh thái.
- Nâng cấp mở rộng chợ Phong Xuân, các công trình thương mại dịch vụ.
- Nhà tưởng niệm các liệt sĩ đã hy sinh khi đang đi làm nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn tại thủy điện Rào Trăng 3.

- Xây mới trụ sở Công an xã. Trụ sở cơ quan Công an tỉnh về Đảm bảo ANTT và PCCC.

- Xây mới phòng học, phòng chức năng các trường MN, tiểu học và THCS.
- Xây mới nhà Văn hóa, Trung tâm thể dục thể thao xã.
- Các dự án trên địa bàn xã Phong Xuân theo kế hoạch của tỉnh.
- Phát triển sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất hàng hóa, có liên kết, hợp tác.

11.2. Nguồn vốn: Tổng nguồn vốn dự kiến khoảng 70 tỷ đồng. Trong đó:

- Ngân sách Trung ương, Chương trình mục tiêu quốc gia: 10 tỷ đồng.
- Ngân sách tỉnh, huyện: 10 tỷ đồng.
- Ngân sách xã và các nguồn huy động hợp pháp khác: 50 tỷ đồng.

12. Giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã:

a. Giải pháp huy động các nguồn vốn:

- Dự kiến tổng nhu cầu vốn đầu tư cho việc thực hiện quy hoạch là khá lớn so khả năng nguồn lực của xã, hỗ trợ của huyện và tỉnh. Vì vậy, để đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư, cần có các giải pháp huy động đa dạng hóa vốn đầu tư; trong đó, phát huy nguồn nội lực trong nhân dân là chủ yếu, huy động nguồn quỹ đất, khuyến khích thu hút đầu tư từ các thành phần kinh tế, xã hội hóa các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, cụ thể:

- Nguồn vốn ngân sách nhà nước chủ yếu đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật; Ủy ban nhân dân xã cần phối hợp làm tốt công tác chuẩn bị đầu tư, vận động nhân dân hiến đất, tham gia giải phóng mặt bằng ... để đảm bảo tiến độ các công trình.

- Quản lý tốt quy hoạch và quỹ đất kinh doanh để tạo nguồn thu từ đất cho xây dựng các công trình hạ tầng. Tổ chức cắm mốc chỉ giới xây dựng để giảm chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng khi triển khai các công trình xây dựng.

- Đối với các dịch vụ cấp điện, nước sinh hoạt, bưu chính – viễn thông, yêu cầu các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ cần đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng để đảm bảo chất lượng, an toàn, nhất là hạ tầng cấp điện, nước.

- Phải huy động được sự tham gia của các toàn thể cán bộ, đảng viên từ xã đến thôn vận động nhân dân thực hiện đóng góp vật liệu, công và cây cối khi giải phóng mặt bằng.

- Tăng cường công tác tuyên truyền đến toàn thể nhân dân về kế hoạch xây dựng xã nông thôn mới; huy động nguồn lực trong dân để đóng góp xây dựng các công trình, thực hiện tốt các nội quy xây dựng nông thôn mới.

- Tăng cường cho nhân dân vay vốn rộng rãi với lãi suất thấp, phù hợp với thời vụ sản xuất. Hỗ trợ nhân dân bằng cách miễn giảm các loại thuế và giải quyết tốt vấn đề tiêu thụ sản phẩm nông lâm nghiệp cho nhân dân, đồng thời huy động vốn và nhân lực trong nhân dân vào các hoạt động sản xuất và kinh doanh, đẩy mạnh phát triển sản xuất để có nguồn lực tài chính, phát huy và khai thác hết nội lực của địa phương từ các nguồn thu, các khoản thuế...

- Tạo điều kiện và môi trường thuận lợi nhất để kêu gọi vốn đầu tư từ các doanh nghiệp, cá nhân, như là hỗ trợ chính sách cơ chế, các chế độ ưu đãi... Tuy nhiên, cần phải có cơ chế quản lý chặt chẽ, phù hợp, cụ thể:

+ Công khai, minh bạch các nguồn thu đóng góp của dân và công khai chi tiết quy mô, thiết kế, dự toán các hạng mục công trình được đầu tư xây dựng rõ ràng.

+ Tăng cường vai trò giám sát của các cơ quan chuyên môn và giám sát của người dân.

+ Thực hiện các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 61/2010/NĐ-CP của Chính phủ gắn với phát triển ngành nghề nông thôn.

b. Giải pháp phát triển nguồn lực:

- Đào tạo đội ngũ quản lý nhằm tạo ra nguồn nhân lực quản lý ngay tại địa phương.

- Ưu tiên đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực cho chính người dân trong xã để nâng cao trình độ, kiến thức trong công tác phát triển kinh tế hộ gia đình.

- Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, chuyên giao tiến bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, ngành nghề nông thôn....

c. Giải pháp quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường:

- Tăng cường quản lý nhà nước về bảo vệ tài nguyên - môi trường. Quản lý, khai thác sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên. Quản lý việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất đúng pháp luật và quy hoạch, nhất là đối với những vùng đất trồng lúa. Thực hiện chính sách giao đất, giao rừng cho các hộ nông dân quản lý, sử dụng và khai thác ổn định, lâu dài.

- Xây dựng quy ước của xã về xử lý rác thải, vệ sinh công cộng, trồng cây xanh, bảo vệ môi trường; thực hiện xử phạt hành chính trong lĩnh vực môi trường. Tổ chức nạo vét các sông, hói, giữ gìn cảnh quan; kết hợp giao khoán quản lý khai thác để nâng hiệu quả sử dụng diện tích mặt nước. Đưa các nội dung đánh giá tác động môi trường vào quá trình ra quyết định đầu tư; kiểm tra việc thực hiện đăng ký cam kết bảo vệ môi trường.

e. Các giải pháp giảm nghèo và an sinh xã hội:

- Giảm nhanh, bền vững hộ nghèo, hướng dẫn, hỗ trợ người dân tiếp cận nguồn vốn vay phát triển sản xuất, tạo việc làm. Thực hiện các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với các hộ chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Tổ chức thực hiện chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình; truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức của cộng đồng về chăm sóc sức khỏe, phòng ngừa bệnh tật, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm.

g. Giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước:

- Tiếp tục xây dựng các tổ chức chính trị - xã hội vững mạnh. Nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân; năng lực quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân trên các lĩnh vực đời sống xã hội. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất, năng lực. Bồi dưỡng công tác quản lý Nhà nước cho cán bộ lãnh đạo theo chức năng. Chuẩn hóa trình độ của đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong giai đoạn mới.

- Tổ chức thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ ở cơ sở, tạo điều kiện để nhân dân được tham gia đầy đủ vào các quá trình ra quyết định ở địa phương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch UBND xã Phong Xuân và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch và các PCT UBND huyện;
- VP HĐND&UBND: LĐ, KT₂;
- Lưu: VT.

Nguyễn Đình Bách